



CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH PAPI 2018

Báo cáo viên: Trần Khắc Tuấn

Phó Trưởng Phòng cải cách hành chính, Sở Nội vụ

SĐT: 0942.282.454; Email: tuantk@binhduong.gov.vn

Bình Dương, tháng 5/2019

1

TỔNG QUAN VỀ PAPI

2

CÁCH ĐÁNH GIÁ CỦA PAPI

3

KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

5

GIẢI PHÁP NÂNG CAO PAPI THỜI GIAN TỚI

Bùi Đặng Dũng Bùi Huy Tường Bùi Ngọc Hùng Bùi Phương Đình Bùi Tố Tâm Caitlin Wiesen
 Đặng Hoàng Phong Cao Thị Hồng Vân Christophe Bahuet Đặng Hoàng Giang Đặng Hùng Võ
 Đặng Thị Quế Lan Đặng Thu Giang Daniel Kaufman
 Đào Mạnh Tân Đào Minh Châu Đào Thanh Thái
 Đinh Duy Hòa Lê Hữu Dũng Nguyễn Sĩ Dũng
 Đào Hoàng Bình Thiên Đoàn Thị Hoài Anh
 Hoàng Xuân Long Hoàng Thị Hạnh Lý
 Hoàng Xuân Hoà Jairo Acuna-Alfaro
 Lại Nguyệt Nga Lại Thị Nguyệt Hằng
 Đinh Hải Âu Louise Chamberlain
 Lưu Trọng Quang Ngô Thị Thu Hà
 Lương Thu Hiền Ngô Thị Thương
 Lê Thúy Hương Lê Quang Cảnh
 Lê Văn Chiến Nguyễn Đức Lam
 Phạm Duy Nghĩa Phạm Văn Tân
 Phạm Anh Tuấn Phạm Chi Lan
 Nuala O'Brien
 Pierre F. Landry
 Sarah Dix
 Samuel Waely
 Paul Schuler Phạm Văn Thịnh
 Đinh Y Ly Nguyễn Thanh Phương
 Nguyễn Quang Anh Nguyễn Quang Du
 Nguyễn Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Xuân Dung
 Từ Thành Huế Nguyễn Văn Hiệu Nguyễn Văn Hùng
 Phùng Đức Tùng Nguyễn Xuân Thắng Phạm Thị Hạnh Nguyễn
 Phạm Thị Kim Cúc Phan Châu Thành Phan Hương Giang Phan Lạc Trung Nguyễn Vũ Quỳnh Anh
 Sengthong Phothisane Setsuko Yamayaki Simon Drought Stanford Smith Steven Geiger
 Sùng A Phénh Tạ Kim Cúc Trần Anh Tài Trần Anh Tuấn Trần Bình Minh Trần Đình Trọng
 Trần Sơn Tùng Trần Tất Nhật Trần Thị Bích Trần Thị Dung Trần Thị Phương Trần Văn Anh
 Nguyễn Thị Phương Vũ Chiến Thắng Vũ Ngọc Quý Vũ Quang Điệp W. G. Technology Solutions



P A P I

2018

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam

Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân, năm 2018



Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ
và Nghiên cứu khoa học
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (viết tắt tiếng Anh là **PAPI**) do Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (**CECODES**) thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (**VUSTA**), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc (**MTTQ**) Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (**UNDP**) tại Việt Nam thực hiện.

PAPI 2009 - 2018

10 năm lắng nghe ý kiến của công dân Việt Nam

8 Trục nội dung

- * Tham gia của người dân ở cấp cơ sở
- * Công khai, minh bạch
- * Trách nhiệm giải trình với người dân
- * Kiểm soát tham nhũng
- * Thủ tục hành chính công
- * Cung ứng dịch vụ công
- * Quản trị môi trường
- * Quản trị điện tử



P A P I
www.papi.org.vn

PAPI

hướng tới **cải thiện hiệu quả phục vụ nhân dân** của chính quyền địa phương

thông qua việc:

(i) tạo cơ hội cho người dân tham gia **đánh giá hiệu quả** hoạt động của chính quyền, vận động chính quyền **cải thiện cung cách phục vụ** nhân dân;

(ii) thúc đẩy việc **tự đánh giá** để đổi mới, tạo tập quán **cạnh tranh lành mạnh** và văn hóa **học hỏi kinh nghiệm** giữa các chính quyền địa phương.

Phương pháp

PHÒNG VẤN
TRỰC TIẾP



Thời lượng
~ 45-60 phút/
phòng vấn



Lấy mẫu và thực hiện

Theo chuẩn lấy mẫu hiện đại quốc tế: Xác suất quy mô dân số (PPS) các đơn vị hành chính đến cấp thôn và lấy mẫu ngẫu nhiên người trả lời; khảo sát trên máy tính bằng từ năm 2015.

MỤC TIÊU



8 Chỉ số nội dung

-  Tham gia của người dân ở cấp cơ sở
-  Công khai, minh bạch trong ra quyết định
-  Trách nhiệm giải trình với người dân
-  Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công
-  Thủ tục hành chính công
-  Cung ứng dịch vụ công
-  Quản trị môi trường
-  Quản trị điện tử

28
Chỉ số nội dung thành phần

550
Câu hỏi

120
Tiêu chí chính

về nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam

2009-2018

117.363 NGƯỜI DÂN

Đặc điểm nhân khẩu đa dạng trên toàn quốc
Mẫu đại diện cho mọi thành phần dân tộc ở Việt Nam

14.304
(2018)



52,95% nữ

Kinh 84,54%
Khác 15,46%

Triết lý phát triển

Người dân là **trọng tâm** của quá trình phát triển, với đầy đủ khả năng **đánh giá chất lượng phục vụ** của nhà nước và chính quyền các cấp.



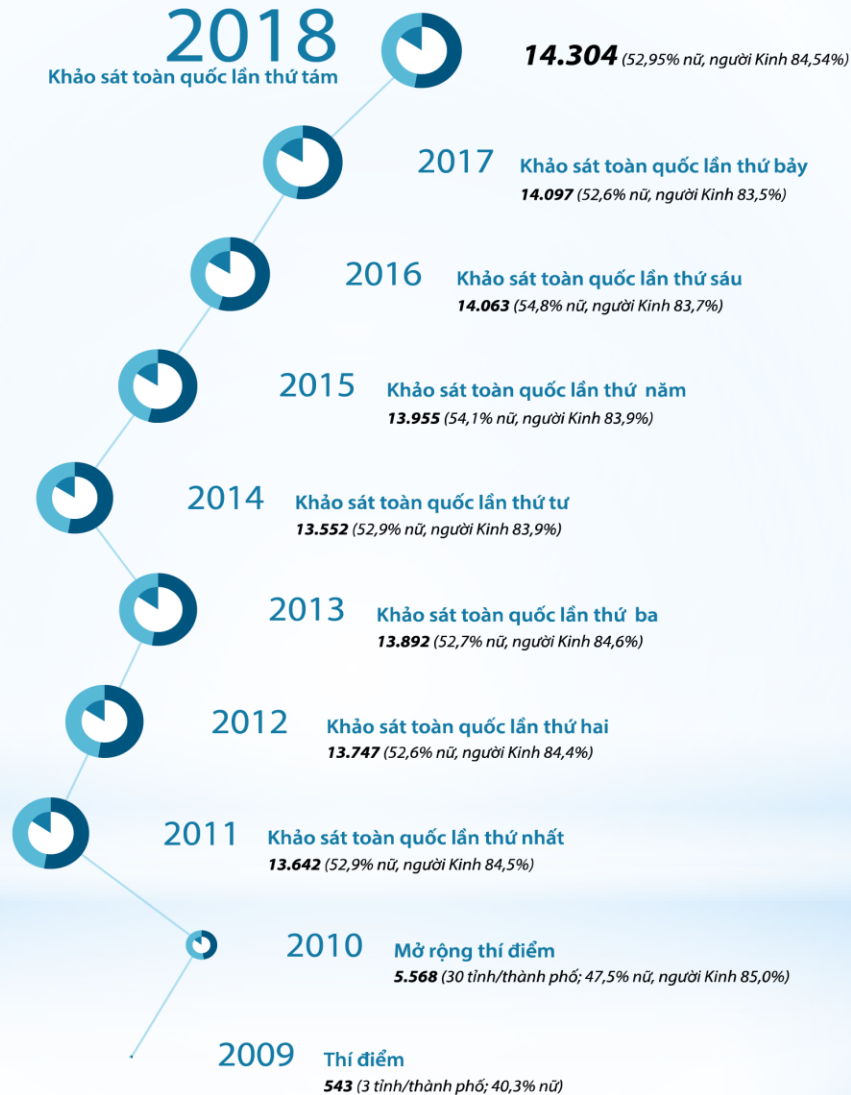
TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ PAPI (2009-2018)

PAPI:	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam									
Mục tiêu phát triển:	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) hướng tới cải thiện hiệu quả phục vụ nhân dân của chính quyền địa phương nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của nhân dân thông qua việc: (i) tạo cơ hội cho người dân tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền, vận động chính quyền cải thiện cung cách phục vụ nhân dân; và, (ii) thúc đẩy việc tự đánh giá để đổi mới, tạo tập quán cạnh tranh lành mạnh và văn hóa học hỏi kinh nghiệm giữa các chính quyền địa phương.									
Triết lý phát triển:	Người dân là trọng tâm của quá trình phát triển, là 'khách hàng' với đầy đủ khả năng đánh giá chất lượng phục vụ của nhà nước và chính quyền các cấp, đồng hành cùng nhà nước trên bước đường xây dựng "nhà nước của dân, do dân và vì dân" ở Việt Nam.									
Đối tượng phục vụ:	<ul style="list-style-type: none"> • Người dân Việt Nam • Chính quyền 63 tỉnh/thành phố (Tỉnh ủy/Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân) và các cấp chính quyền cấp huyện/quận và xã/phường/thị trấn • Các cơ quan trung ương (các cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành) • Báo giới, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức xã hội • Cộng đồng nghiên cứu ở Việt Nam và quốc tế • Cộng đồng các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ 									
Nội dung:	<p>8 chỉ số nội dung, 28 nội dung thành phần, hơn 120 chỉ tiêu chính, hơn 550 câu hỏi về nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam:</p> <table border="0"> <tr> <td>1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở</td> <td>5. Thủ tục hành chính công</td> </tr> <tr> <td>2. Công khai, minh bạch trong ra quyết định</td> <td>6. Cung ứng dịch vụ công</td> </tr> <tr> <td>3. Trách nhiệm giải trình với người dân</td> <td>7. Quản trị môi trường</td> </tr> <tr> <td>4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công</td> <td>8. Quản trị điện tử</td> </tr> </table>		1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5. Thủ tục hành chính công	2. Công khai, minh bạch trong ra quyết định	6. Cung ứng dịch vụ công	3. Trách nhiệm giải trình với người dân	7. Quản trị môi trường	4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	8. Quản trị điện tử
1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5. Thủ tục hành chính công									
2. Công khai, minh bạch trong ra quyết định	6. Cung ứng dịch vụ công									
3. Trách nhiệm giải trình với người dân	7. Quản trị môi trường									
4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	8. Quản trị điện tử									
Phương pháp:	Phỏng vấn trực tiếp	Thời lượng: Trung bình 45-60 phút/phỏng vấn								
Lấy mẫu và thực hiện:	Theo chuẩn lấy mẫu hiện đại quốc tế: Xác suất quy mô dân số (PPS) các đơn vị hành chính đến cấp thôn và lấy mẫu ngẫu nhiên người trả lời; khảo sát trên máy tính bảng từ năm 2015									
Ở đâu:	<p>Toàn bộ 63 tỉnh/thành phố từ năm 2011, bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> • 207 đơn vị huyện/quận/thành phố/thị xã (gồm 63 thành phố/thị xã thủ phủ cấp tỉnh và các đơn vị huyện/quận chọn theo xác suất quy mô dân số PPS) • 414 đơn vị xã/phường/thị trấn (gồm các thị trấn/quận/thành phố thủ phủ cấp huyện và các đơn vị xã/phường/thị trấn chọn theo xác suất quy mô dân số PPS) • 828 đơn vị thôn/tổ dân phố/ấp/bản/buôn (gồm các khu dân cư thủ phủ cấp xã/phường và các đơn vị thôn/ấp/bản/tổ dân phố chọn theo xác suất quy mô dân số PPS) 									
Ai:	<p>117.363 người dân với đặc điểm nhân khẩu đa dạng trên toàn quốc, tính từ năm 2009</p> <ul style="list-style-type: none"> • 2018: 14.304 (52.95% nữ) • 2017: 14.097 (52,6% nữ) • 2016: 14.063 (54,8% nữ) • 2015: 13.955 (54,1% nữ) • 2014: 13.552(52,9% nữ) • 2013: 13.892 (52,7% nữ) • 2012: 13.747 (52,6% nữ) • 2011: 13.642 (52,9% nữ) • 2010: 5.568 (30 tỉnh/thành phố; 47,5% nữ) • 2009: 543 (3 tỉnh/thành phố; 40,3% nữ) 	<p>Mẫu đại diện cho mọi thành phần dân tộc ở Việt Nam tính từ năm 2010</p> <ul style="list-style-type: none"> • 2018: Kinh 84.54%; Khác 15.46% • 2017: Kinh 83,5%; Khác 16,5% • 2016: Kinh 83,7%; Khác 16,3% • 2015: Kinh 83,9%; Khác 16,1% • 2014: Kinh 83,9%; Khác 16,1% • 2013: Kinh 84,6%; Khác 15,4% • 2012: Kinh 84,4%; Khác 15,6% • 2011: Kinh 84,5%; Khác 15,5% • 2010: Kinh 85,0%; Khác 15,0% 								
Các cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) - Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES) - Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT) - Công ty Phân tích thời gian thực (RTA) - Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (HCMA) (<i> nghiên cứu định tính dựa trên kết quả PAPI</i>) 									
Các đối tác:	Chính phủ Tây Ban Nha (2009-2010)									



PAPI: quá trình phát triển 2009 - 2018

10 năm lắng nghe ý kiến công dân Việt Nam



KẾT QUẢ PAPI NĂM 2018 CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên tỉnh/thành phố	Điểm tổng hợp PAP 2018	1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	2: Công khai, minh bạch	3: Trách nhiệm giải trình với người dân	4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	5: Thủ tục hành chính công	6: Cung ứng dịch vụ công	7: Quản trị môi trường	8: Quản trị điện tử
Hà Nội	42.32	5.22	5.09	4.61	6.08	7.50	6.93	3.58	3.32
Hà Giang	43.73	5.26	5.35	4.82	6.16	7.30	6.86	4.57	3.42
Cao Bằng	44.08	5.36	5.29	5.15	6.49	6.95	6.73	4.92	3.17
Bắc Kạn	44.36	5.30	5.37	5.05	6.45	7.40	7.00	4.89	2.92
Tuyên Quang	44.91	5.78	5.37	5.14	6.25	7.34	7.18	4.37	3.47
Lào Cai	44.37	5.41	5.45	4.89	6.38	7.33	7.17	4.30	3.44
Điện Biên	43.39	4.95	5.40	4.77	6.46	7.20	6.96	4.85	2.81
Lai Châu	44.42	5.26	5.23	4.87	6.69	7.54	7.01	4.72	3.10
Sơn La	43.78	5.30	5.16	5.11	6.52	7.49	6.95	4.49	2.74
Yên Bái	44.80	5.52	5.26	5.02	6.26	7.66	7.16	4.51	3.40
Hòa Bình	44.46	5.88	5.42	4.85	6.13	7.32	7.31	3.89	3.66
Thái Nguyên	45.66	5.80	6.00	5.60	6.21	7.60	7.03	3.66	3.76
Lạng Sơn	47.05	5.54	5.85	5.16	7.07	7.66	7.14	5.19	3.43
Quảng Ninh	n.a	5.86	n.a	5.10	n.a	7.95	7.44	5.93	3.70
Bắc Giang	46.83	5.84	5.76	4.91	6.57	7.70	7.37	4.88	3.80
Phủ Thọ	44.72	5.46	5.41	4.95	7.08	7.46	6.87	4.64	2.85
Vĩnh Phúc	45.07	5.96	5.16	5.05	7.06	7.46	6.92	4.08	3.37
Bắc Ninh	45.74	5.65	5.52	5.15	6.62	7.36	7.36	4.50	3.59
Hải Dương	43.76	5.83	5.34	4.72	6.23	7.26	7.17	4.20	3.02
Hải Phòng	42.80	5.44	5.08	4.87	5.52	7.40	7.14	3.70	3.65
Hưng Yên	43.58	5.65	4.97	4.94	6.53	7.35	7.34	3.54	3.26
Thái Bình	45.12	6.16	5.74	4.96	6.49	7.28	7.22	4.22	3.05
Hà Nam	43.54	5.51	5.35	4.83	5.98	7.59	7.53	3.59	3.14
Nam Định	44.63	5.40	5.63	4.74	6.58	7.49	7.45	4.47	2.88
Ninh Bình	45.81	5.47	5.55	5.09	6.94	7.57	7.35	4.63	3.21
Thanh Hóa	45.69	5.57	5.70	5.32	6.36	7.49	7.17	4.62	3.45
Nghệ An	46.57	5.98	5.67	5.48	6.53	7.53	7.20	4.48	3.70
Hà Tĩnh	46.07	5.95	5.68	5.54	6.60	7.63	6.97	4.39	3.32
Quảng Bình	46.27	5.56	5.71	5.57	6.79	7.65	7.28	4.76	2.95
Quảng Trị	46.08	5.62	5.53	5.51	7.37	7.19	7.06	4.76	3.05
Thừa Thiên-Huế	43.21	4.85	5.40	4.38	6.76	7.37	7.00	4.79	2.65
Đà Nẵng	45.36	5.13	5.65	4.55	6.51	7.49	7.68	4.10	4.24
Quảng Nam	43.14	5.27	5.05	4.99	6.64	7.02	7.02	4.68	2.47
Quảng Ngãi	41.33	5.37	4.82	5.02	6.08	7.05	6.72	4.34	1.93
Bình Định	41.04	4.87	4.83	4.52	6.23	6.90	6.94	4.02	2.73
Phủ Yên	42.43	4.80	4.93	4.95	6.56	7.14	6.95	4.93	2.16
Khánh Hòa	42.17	4.41	4.59	4.70	6.49	7.29	7.48	4.43	2.78
Ninh Thuận	45.42	5.39	5.36	5.02	6.91	7.53	7.68	4.87	2.67
Bình Thuận	41.60	5.05	4.64	4.48	6.49	7.37	6.87	4.07	2.63
Kon Tum	43.22	5.94	5.26	4.95	6.03	7.25	6.74	3.98	3.06
Gia Lai	42.95	5.14	5.20	4.91	6.35	7.14	6.72	4.20	3.29
Đắk Lắk	42.33	4.98	5.10	4.98	5.81	7.34	6.98	4.06	3.07
Đắk Nông	44.59	5.54	5.53	5.33	6.68	7.39	6.58	4.36	3.18
Lâm Đồng	42.88	5.84	5.04	5.14	6.25	6.91	6.83	3.85	3.03
Bình Phước	44.40	5.86	5.38	5.22	6.30	7.42	6.72	4.03	3.48
Tây Ninh	43.58	4.88	4.79	4.76	7.24	7.51	7.01	4.94	2.45
Bình Dương	43.50	5.28	5.23	4.86	6.82	7.44	6.58	4.22	3.08
Đồng Nai	43.09	5.31	4.88	4.98	6.28	7.37	6.81	4.26	3.19
Bà Rịa-Vũng Tàu	44.30	5.15	5.63	5.20	6.25	7.36	7.29	4.22	3.19
TP. Hồ Chí Minh	42.40	4.84	5.23	4.66	5.95	7.14	6.93	3.67	3.99
Long An	43.59	5.18	5.11	4.71	6.90	7.14	7.12	4.63	2.79
Tiền Giang	42.10	4.96	4.80	4.31	7.09	7.21	6.82	4.80	2.10
Bến Tre	47.05	5.21	5.50	5.20	7.61	7.74	7.31	5.41	3.08
Trà Vinh	43.06	4.47	4.65	4.75	6.84	7.77	7.06	4.83	2.68
Vĩnh Long	44.65	4.45	5.02	4.70	7.01	7.48	7.32	5.75	2.92
Đồng Tháp	n.a	5.43	n.a	4.99	n.a	7.55	7.36	6.74	2.79
An Giang	44.43	4.56	5.15	4.72	6.93	7.33	7.49	5.67	2.58
Kiên Giang	42.77	4.67	4.87	4.65	6.35	7.60	6.88	4.99	2.77
Cần Thơ	46.06	5.03	5.53	4.81	6.98	7.56	7.40	5.83	2.91
Hậu Giang	42.06	4.52	4.55	4.84	6.21	7.28	6.95	5.64	2.07
Sóc Trăng	43.37	4.90	5.02	4.83	6.80	7.44	7.03	5.02	2.33
Bạc Liêu	42.25	4.80	4.66	4.84	6.30	7.40	7.27	4.58	2.40
Cà Mau	44.81	5.40	5.07	5.13	6.73	7.52	6.79	5.09	3.07

Ghi chú: Số liệu trong bảng biểu thị giá trị điểm trung bình một tỉnh/thành phố có thể đạt được trên thang điểm từ 10-80 điểm với điểm chỉ số tổng hợp PAP 2018 (ở cột số liệu đầu tiên bên trái) và từ 1-10 với điểm chỉ số nội dung (ở các cột số liệu bên phải). Màu xanh lá thể hiện nhóm đạt điểm trung bình (16 tỉnh/thành phố); màu xanh lá cây thể hiện nhóm đạt điểm trung bình thấp (16 tỉnh/thành phố); màu cam thể hiện nhóm đạt điểm thấp nhất (16 tỉnh/thành phố). Sắp xếp thứ tự tỉnh/thành phố theo mã tỉnh. NA: không có số liệu. Dữ liệu của hai tỉnh có ghi 'n.a.' có sai số làm, không đáng tin cậy do một số tác động chủ quan của địa phương trước khảo sát.

KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

Theo công bố kết quả Chỉ số PAPI năm 2018, tỉnh Bình Dương đạt tổng điểm 43,50/80 điểm (năm 2017 là 33,49 điểm), xếp trong Nhóm trung bình thấp (năm 2017 trong Nhóm thấp điểm nhất). Nếu tính theo điểm số, Bình Dương đứng thứ 39/63 tỉnh thành (năm 2017 đứng thứ 62/63), cụ thể như sau:

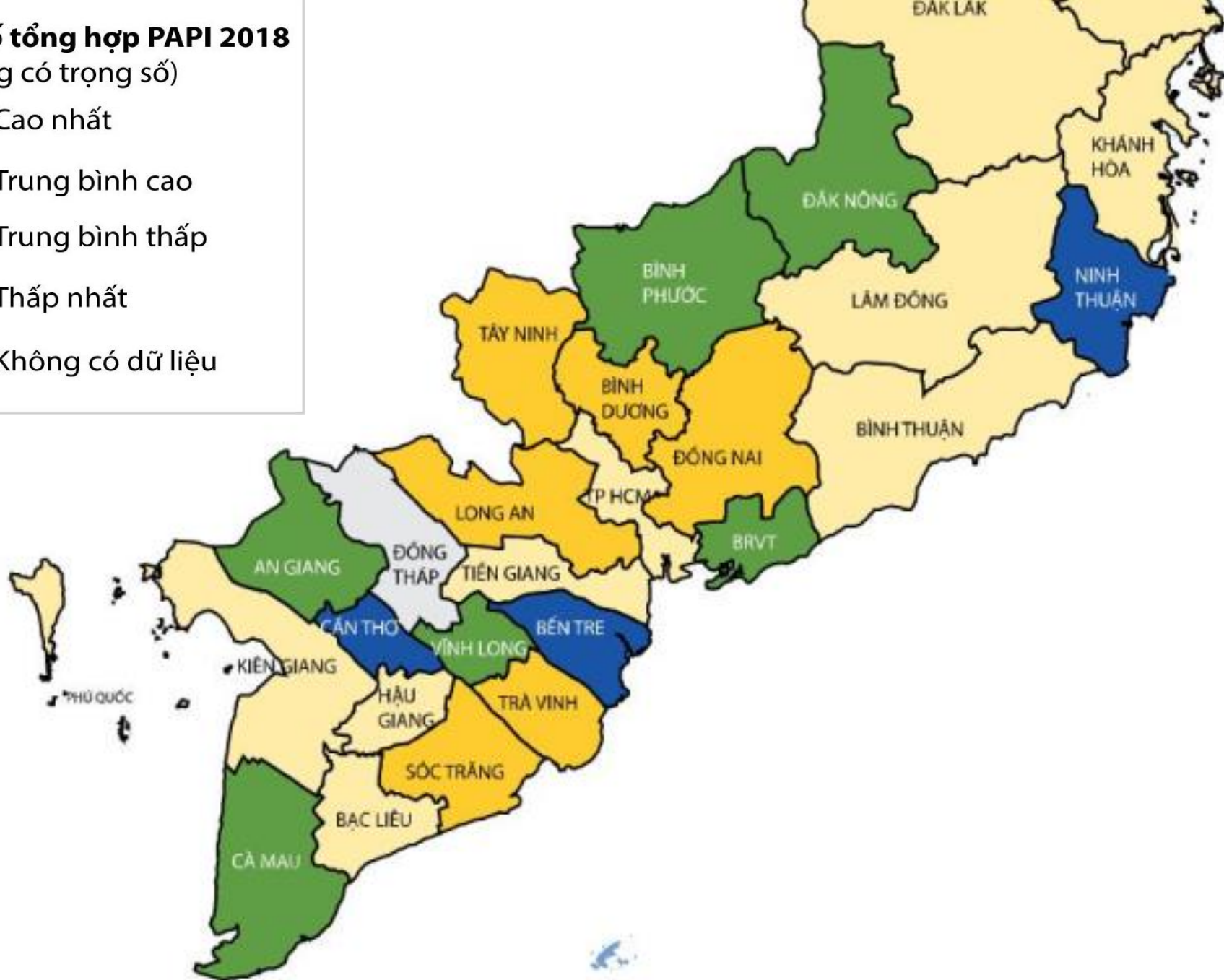
Điểm chuẩn	Tham gia của người dân cấp cơ sở	Công khai minh bạch	Trách nhiệm giải trình	Kiểm soát tham nhũng	Thủ tục hành chính công	Cung ứng dịch vụ công	Quản trị môi trường	Quản trị điện tử	PAPI 2018
	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm	10 điểm
Điểm 2018/2017	5,28/4,33	5,23/5,54	4,86/5,05	6,82/4,99	7,44/6,97	6,58/6,61	4,22	3,08	43,50/33,49

So với Chỉ số PAPI năm 2017, Bình Dương có 3/6 chỉ số nội dung tăng điểm là: Tham gia của người dân cấp cơ sở (tăng 0,95 điểm); Kiểm soát tham nhũng (tăng 1,83 điểm); Thủ tục hành chính công (tăng 0,47 điểm).

Chỉ số tổng hợp PAPI 2018

(không có trọng số)

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất
-  Không có dữ liệu



Điểm số

(trên thang điểm từ 1-10)

▼ Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5.28
▼ Công khai, minh bạch	5.23
▼ Trách nhiệm giải trình với người dân	4.86
▼ Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	6.82
▼ Thủ tục hành chính công	7.44
▼ Cung ứng dịch vụ công	6.58
▼ Quản trị môi trường	4.22
▼ Quản trị điện tử	3.08

Nhóm đạt điểm cao nhất

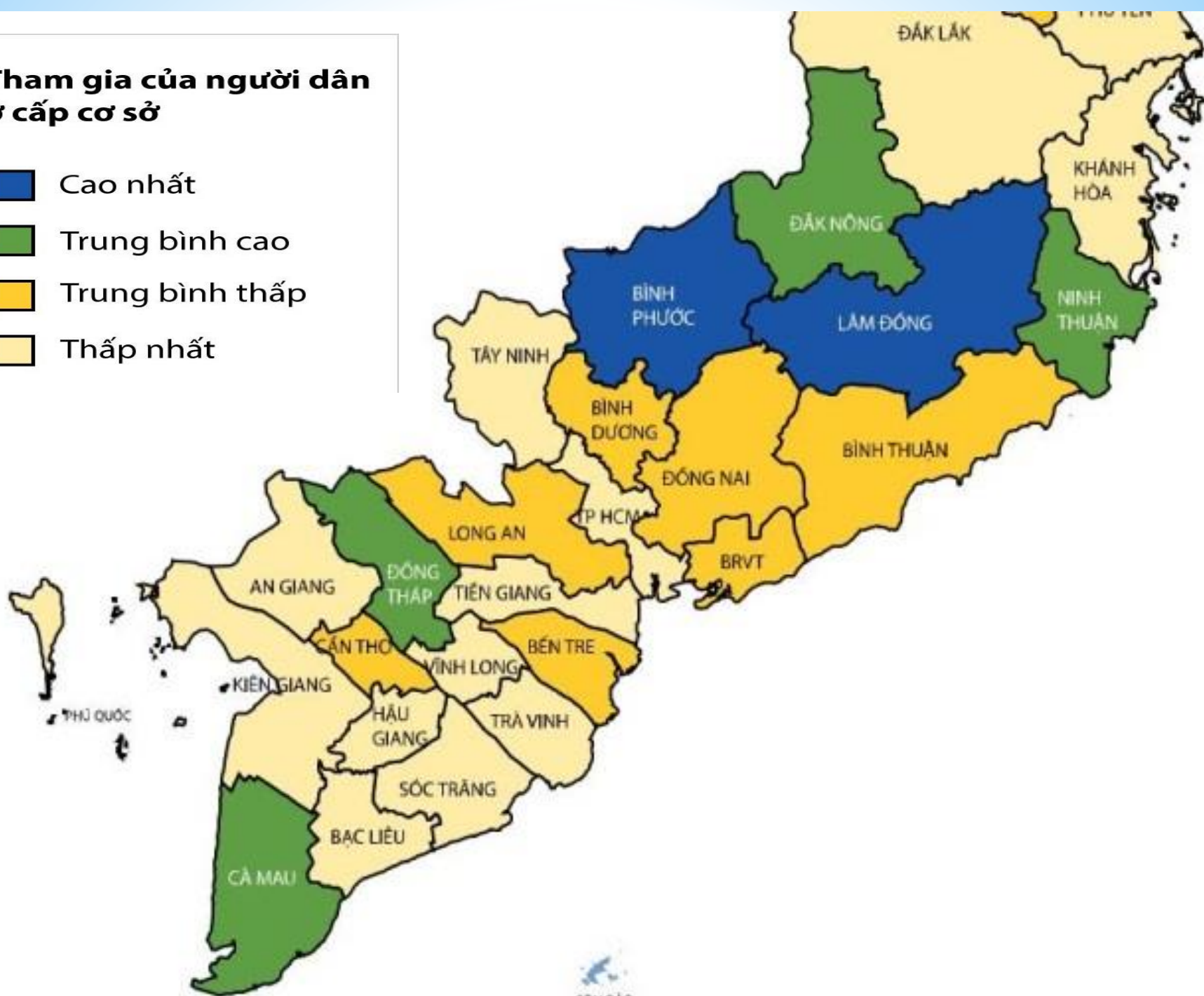
Nhóm đạt điểm trung bình cao

Nhóm đạt điểm trung bình thấp

Nhóm đạt điểm thấp nhất

Tham gia của người dân ở cấp cơ sở

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

1. Nội dung chỉ số thành phần tham gia của người dân ở cấp cơ sở, đạt 5,28/10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình thấp), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Tri thức công dân về tham gia bầu cử (ấp/khu phố)	Cơ hội tham gia bầu cử (ấp/khu phố)	Chất lượng bầu cử (ấp/khu phố)	Tham gia quyết định về công trình công cộng	Tổng điểm
	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	10 điểm
Điểm 2018/2017	1,15/0,70	1,62/1,63	1,48/1,27	1,02/0,73	5,28/4,33 (+0,95)

Chỉ số tham gia của người dân cấp cơ sở nhằm đo lường tri thức công dân về quyền tham gia và mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để người dân thực hành tốt nhất quyền tham gia của mình. Nhìn chung, sự đánh giá của người dân về tham gia bầu cử bình đẳng, thông tin đầy đủ, minh bạch về tiến trình và kết quả bầu cử, tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri rộng rãi, dân chủ hơn; cơ hội của người dân trong khu dân cư tham gia thảo luận, theo dõi, giám sát việc xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng diễn ra trên địa bàn tốt hơn.

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

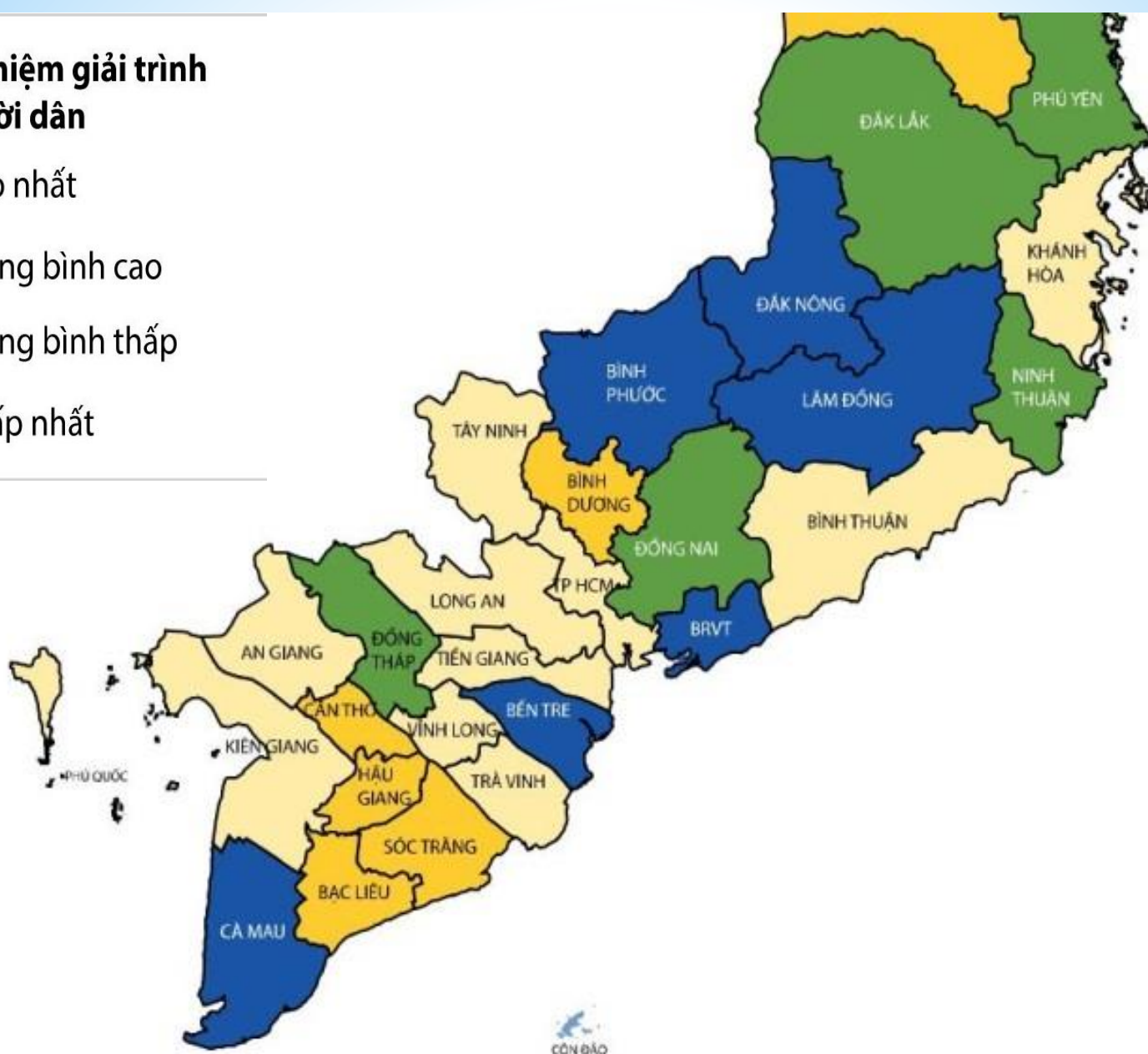
2. Nội dung chỉ số thành phần công khai minh bạch: đạt 5,23/10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình thấp), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Tiếp cận thông tin (chỉ số mới)	Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo	Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã	Công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất	Tổng điểm
	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	10 điểm
Điểm 2018/2017	0,78	1,84/2,09	1,43/1,71	1,19/1,74	5,23/5,54 (-0,31)

Nội dung chỉ số thành phần này đo lường hiệu quả của chính quyền trong việc công khai hoá, minh bạch hoá thông tin nhằm đáp ứng “quyền được biết” của người dân về những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đời sống và sinh kế của họ, trong đó có các chỉ số thành phần như: Tiếp cận thông tin; công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; công khai, minh bạch ngân sách cấp xã; công khai minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá bồi thường thu hồi đất. Năm 2018, nội dung này có sự sụt giảm, người dân vẫn cho rằng chính quyền chưa thật sự minh bạch hóa thông tin, việc tiếp cận một số thông tin còn khó khăn như: công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất...

Trách nhiệm giải trình với người dân

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

3. Nội dung chỉ số thành phần trách nhiệm giải trình, đạt 4,86/10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình thấp), gồm các nội dung sau:

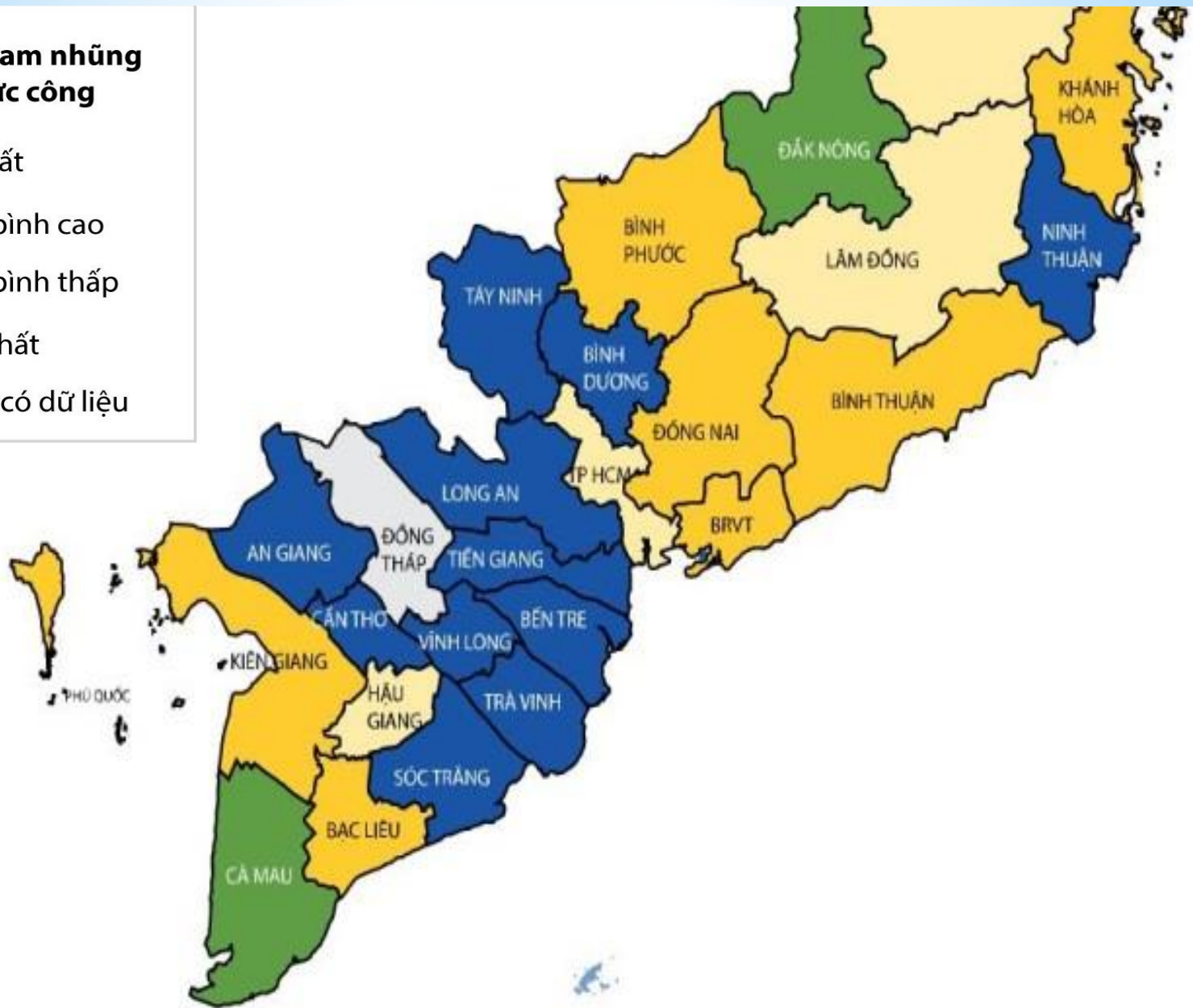
<i>Điểm chuẩn</i>	Tương tác với các cấp chính quyền	Giải quyết khiếu nại, tố giác của người dân	Hiệu quả của Ban Thanh tra nhân dân	Tổng điểm
	<i>0,33-3,33 điểm</i>	<i>0,33-3,33 điểm</i>	<i>0,33-3,33 điểm</i>	10 điểm
Điểm 2018/2017	1,72/2,14	1,26/1,66	1,89/1,25	4,86/5,05 (-0,19)

Trách nhiệm giải trình với người dân nhằm đo lường mức độ hiệu quả tương tác với chính quyền địa phương, đo lường hiệu quả của các cuộc tiếp xúc công dân/cử tri của các cấp chính quyền theo quy định của Luật tiếp công dân năm 2013 (từ năm 2018 có thêm nội dung về giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân và tiếp cận dịch vụ tư pháp).

Nhìn chung, người dân đánh giá tốt hơn về hoạt động của Ban thanh tra cấp cơ sở; các chỉ tiêu còn lại đều giảm điểm, người dân cho rằng chính quyền cơ sở cần cởi mở hơn để tiếp nhận các khuyến nghị, khiếu nại, tố cáo và sớm giải đáp thỏa đáng những yêu cầu của công dân.

Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất
-  Không có dữ liệu



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

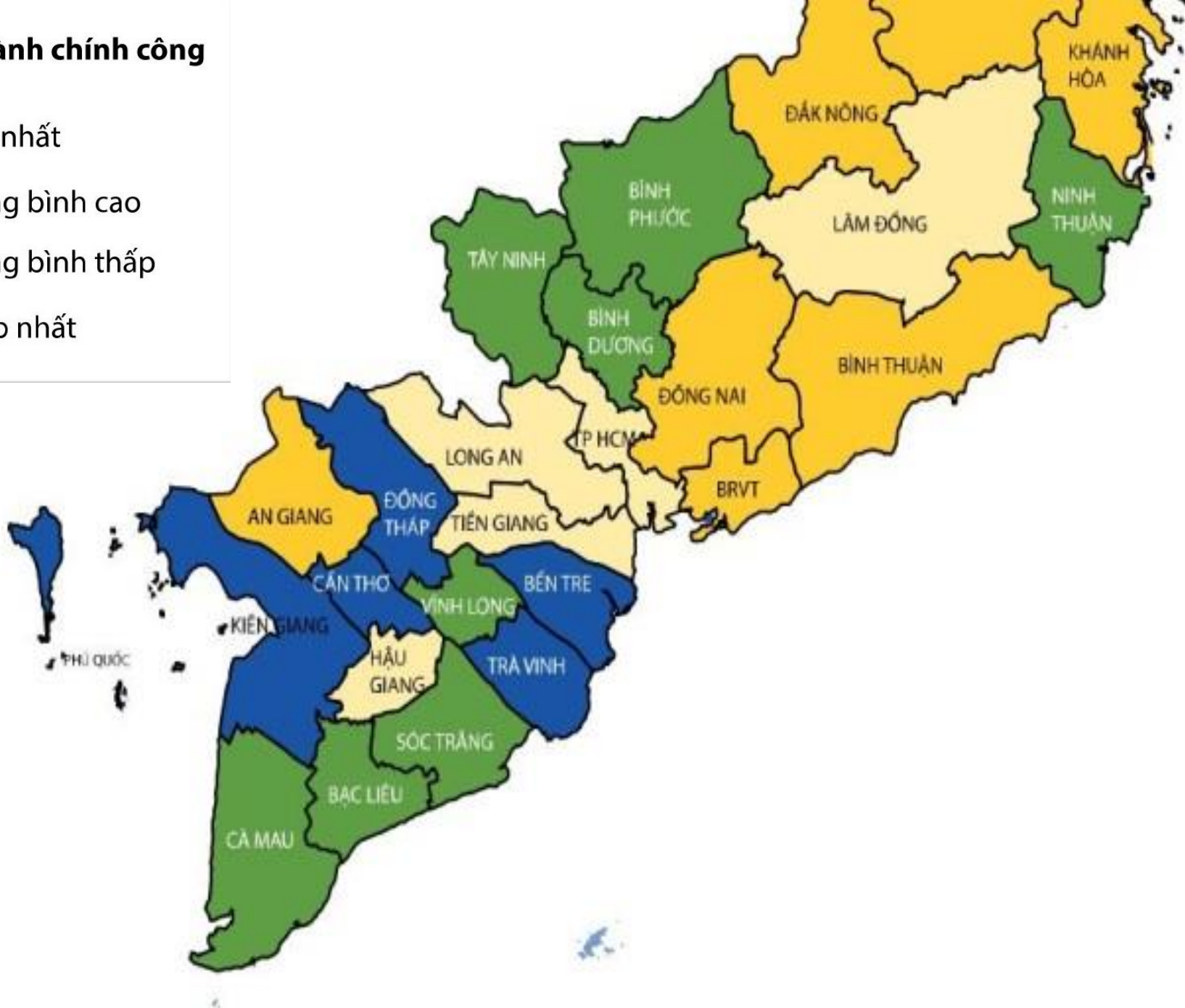
4. Nội dung chỉ số thành phần kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, đạt 6,82/10 điểm (Xếp trong nhóm thấp nhất), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công (công chức cấp xã/phường; giáo viên tiểu học công lập)	Quyết tâm chống tham nhũng	Tổng điểm
	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	10
Điểm 2018/2017	1,69/1,16	1,91/1,53	1,27/0,70	1,95/1,61	6,82/4,99 (+1,83)

Nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của chính quyền như: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương; kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công; quyết tâm phòng, chống tham nhũng. Người dân đánh giá cao chính quyền trong việc kiểm soát tham nhũng, tình trạng lót tay để xin việc vào khu vực công rất ít xảy ra, đây là cơ sở cho niềm tin vào sự thay đổi theo chiều hướng tích cực trong kiểm soát tham nhũng của tỉnh.

Thủ tục hành chính công

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

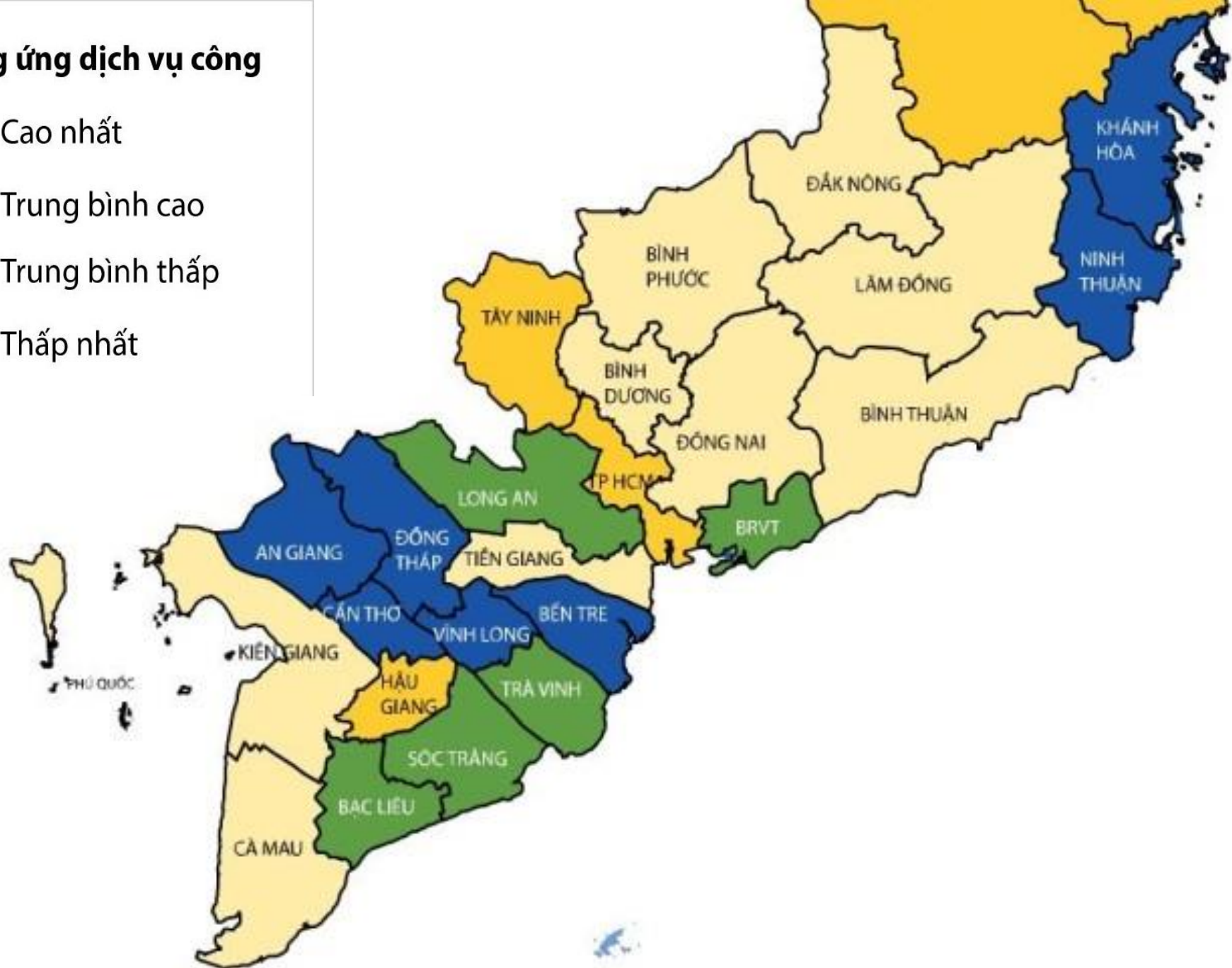
5. Nội dung chỉ số thành phần thủ tục hành chính công, đạt 7,44/10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình cao/năm 2017 xếp trong nhóm thấp nhất), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Dịch vụ chứng thực, xác nhận	Dịch vụ cấp phép xây dựng	Dịch vụ cấp Giấy chung nhận QSDĐ	Dịch vụ hành chính cấp xã/phường	Tổng điểm
	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	<i>0,25-2,5 điểm</i>	10
Điểm 2018/2017	1,78/1,63	1,87/1,78	1,86/1,72	1,93/1,84	7,44/6,97 (+0,47)

Nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công như: Chứng thực, xác nhận; cấp giấy phép xây dựng; cấp giấy CNQSDĐ; hành chính công cấp xã/phường. Năm 2018, điểm số đạt được ở mức khá và các tiêu chí đều tăng điểm so với năm 2017, người dân đánh giá cao sự cố gắng của chính quyền các cấp trong cải cách hành chính, nhất là việc cung ứng các dịch vụ công. Tuy nhiên, đối với dịch vụ cấp giấy CNQSDĐ, người dân vẫn cho rằng còn phải đi lại nhiều lần để làm xong các thủ tục hành chính liên quan.

Cung ứng dịch vụ công

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

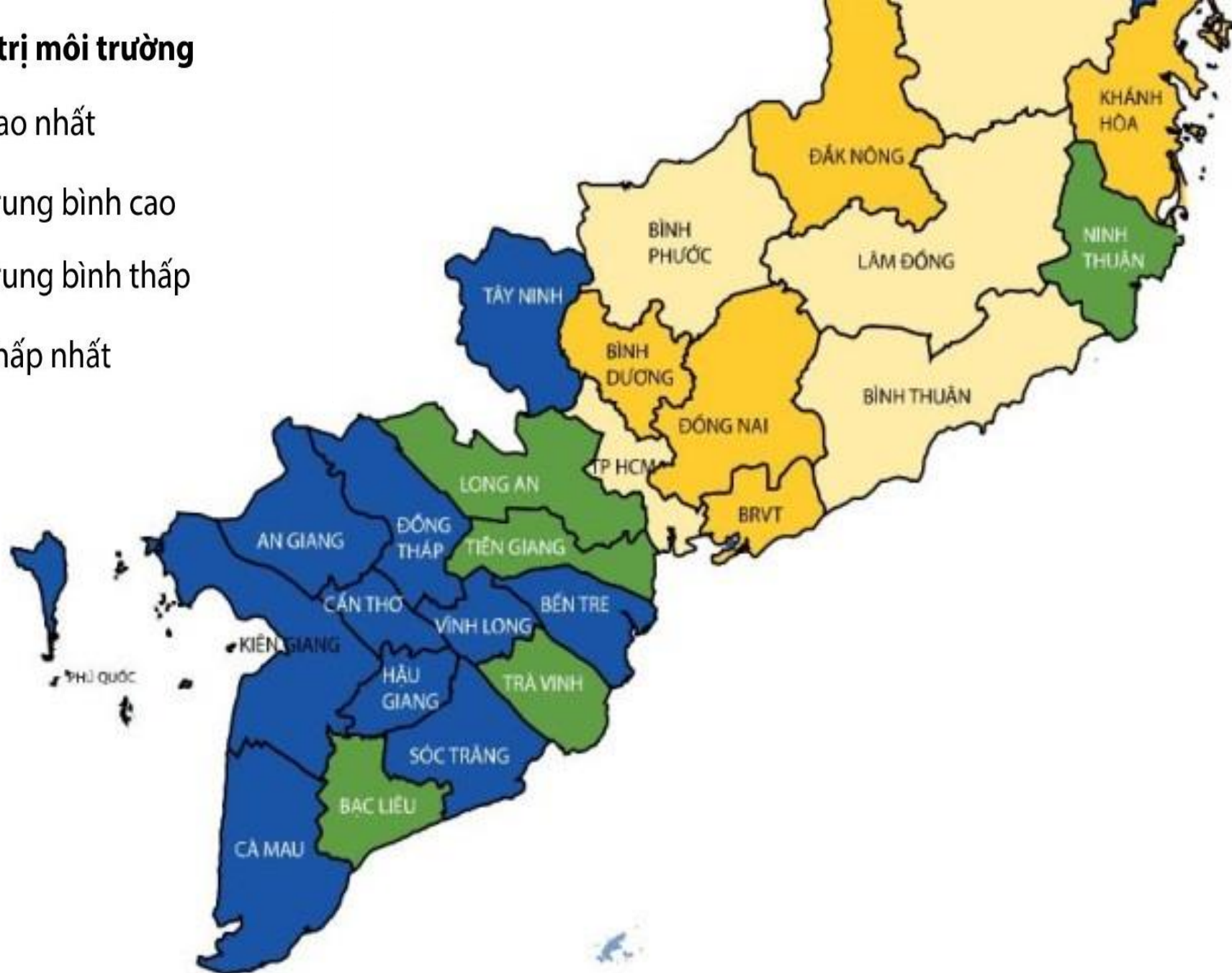
6. Nội dung chỉ số thành phần cung ứng dịch vụ công, đạt 6,58/10 điểm (Xếp trong nhóm thấp nhất), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Dịch vụ Y tế công lập	Dịch vụ giáo dục tiểu học công lập	Cơ sở hạ tầng căn bản	An ninh trật tự khu dân cư	Tổng điểm
	0,25-2,5 điểm	0,25-2,5 điểm	0,25-2,5 điểm	0,25-2,5 điểm	10
Điểm 2018/2017	1,86/1,69	1,20/1,23	2,07 /2,05	1,44/1,63	6,58/6,61 (-0,03)

Nội dung này đo lường trải nghiệm của người dân về hiệu quả cung ứng 4 dịch vụ công căn bản cho người dân gồm: Y tế công lập; giáo dục tiểu học công lập; cơ sở hạ tầng căn bản; an ninh trật tự tại địa bàn khu dân cư. Mặc dù có 2 tiêu chí tăng điểm nhẹ, nhưng người dân vẫn đánh giá chưa cao về hiệu quả cung ứng các dịch vụ công như chất lượng trường tiểu học công lập, số học sinh/lớp học cao hơn quy định chung, nhà vệ sinh trường học chưa sạch... tình hình an ninh trật tự khu dân cư còn diễn biến phức tạp, nhất là khu vực đông công nhân sinh sống.

Quản trị môi trường

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

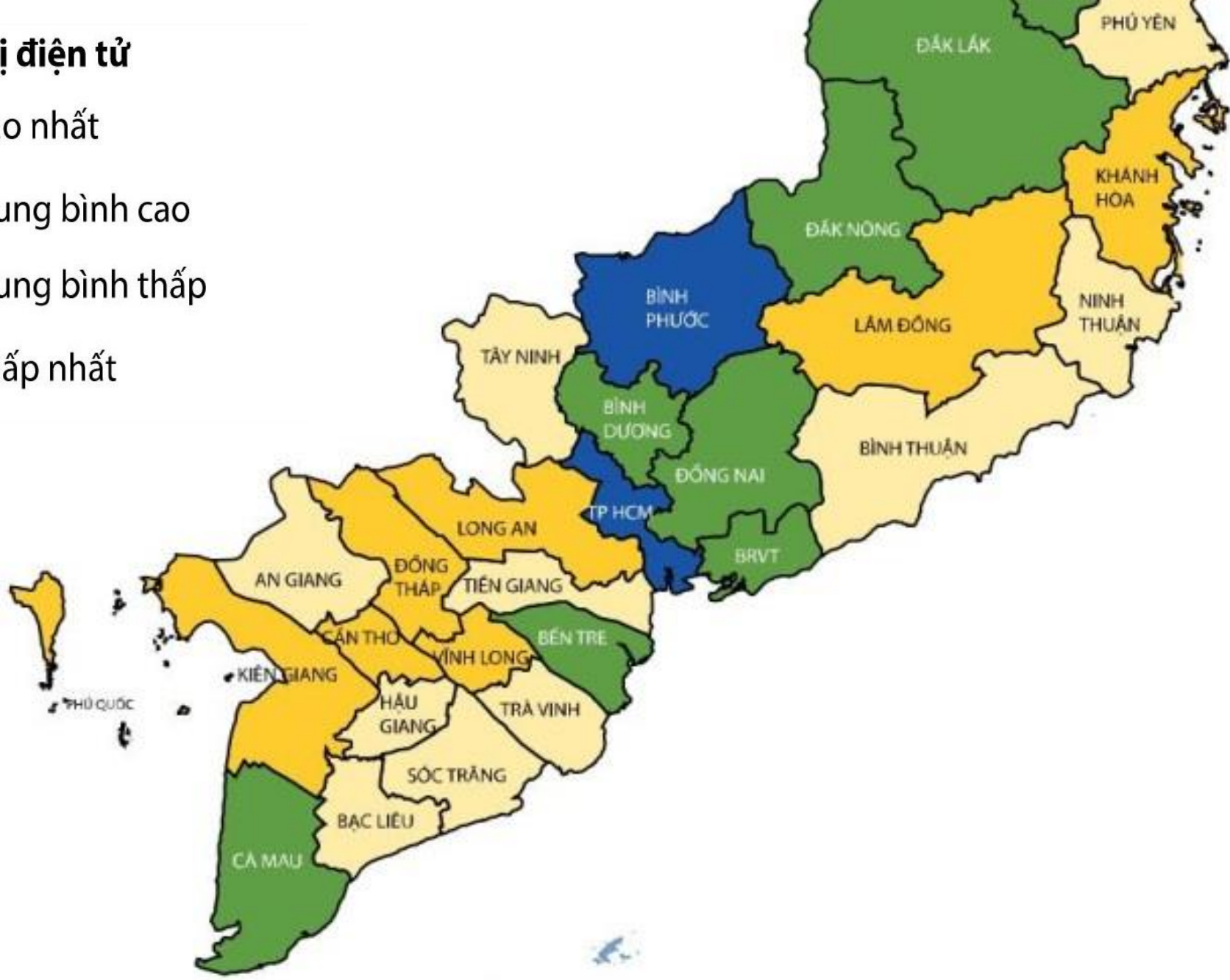
7. Nội dung chỉ số thành phần quản trị môi trường, đạt 4,22/10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình thấp), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	Chất lượng không khí	Chất lượng nước	Tổng điểm
	<i>0,33-3,33 điểm</i>	<i>0,33-3,33 điểm</i>	<i>0,33-3,33 điểm</i>	10 điểm
Điểm 2018	1,91	1,93	0,38	4,22

Nội dung này đo lường những đánh giá của người dân về vấn đề môi trường tác động trực tiếp đến sức khỏe. Với chỉ số nội dung mới này, người dân chưa hài lòng với chất lượng môi sinh và hiệu quả quản trị môi trường của chính quyền, người dân lo ngại về chất lượng không khí, chất lượng nguồn nước ăn/sinh hoạt và mong muốn chính quyền quyết tâm hơn nữa trong giải quyết ô nhiễm môi trường, nhất là địa bàn khu dân cư.

Quản trị điện tử

-  Cao nhất
-  Trung bình cao
-  Trung bình thấp
-  Thấp nhất



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

8. Nội dung chỉ số thành phần quản trị điện tử, đạt 3,08 /10 điểm (Xếp trong nhóm trung bình thấp), gồm các nội dung sau:

<i>Điểm chuẩn</i>	Sử dụng Công thông tin điện tử của chính quyền địa phương	Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương	Tổng điểm
	<i>0,05-5,0 điểm</i>	<i>0,05-5,0 điểm</i>	<i>10 điểm</i>
Điểm 2018	0,61	2,47	3,08

Nội dung này đo lường đánh giá của người dân về hai khía cạnh mang tính tương tác của Chính phủ điện tử đó là: Mức độ sẵn có và sử dụng dịch vụ công trực tuyến do chính quyền cung cấp. Các tiêu chí cấu thành chỉ số nội dung này cung cấp thông tin về độ sẵn có của cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương; tiếp cận thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách người dân cần tuân thủ và điều kiện sử dụng internet của người dân... Đánh giá của người dân về nội dung này ở mức thấp; việc tương tác trực tuyến giữa người dân với chính quyền còn hạn chế; người dân cho rằng chưa nắm được nhiều thông tin về cổng thông tin điện tử và việc cung ứng các dịch vụ công trực tuyến trên cổng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PAPI 2018 CỦA BÌNH DƯƠNG

Chỉ số PAPI 2018 của tỉnh Bình Dương có sự cải thiện đáng kể, nhiều chỉ tiêu và nội dung thành phần đều tăng so với 2017

Để đạt được kết quả đó là sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự vào cuộc của các cấp, các ngành

Những nỗ lực của chính quyền các cấp được người dân đồng thuận và đánh giá tốt

Bên cạnh đó cũng còn một số nội dung chưa được người dân đánh giá cao, nguyên nhân đó là:

- Địa bàn tiến hành khảo sát chưa đa dạng, số lượng người tham gia khảo sát hạn chế, nhận xét, đánh giá của người dân đôi khi cảm tính...

- Công khai, minh bạch trong một số chính sách tại địa phương chưa được quan tâm nhiều, nhất là công khai, chia sẻ thông tin với người dân về quy hoạch sử dụng đất, công khai các dự án, công khai các khoản đóng góp tự nguyện của người dân...

- Bình Dương là một tỉnh phát triển công nghiệp, tỉ lệ lao động nhập cư rất lớn, phần đông họ chú trọng vào lao động mưu sinh mà ít quan tâm tới đời sống chính trị của địa phương

- Thực trạng, một số nơi chính quyền cơ sở còn hạn chế trong quản lý điều hành công việc của địa phương; kỹ năng hành chính và thái độ phục vụ trong một bộ phận cán bộ, công chức cấp cơ sở chưa cao

- Công khai, minh bạch trong một số chính sách tại địa Tình hình an ninh, trật tự tại một số địa bàn còn diễn biến phức tạp, nhất là các khu vực đông dân cư, nhà trọ; tình trạng trộm cắp, cướp giật còn diễn ra khiến người dân cảm thấy chưa an tâm...

Kết quả Chỉ số tổng hợp PAPI 2018 cho thấy chính quyền tỉnh Bình Dương cần nỗ lực hơn trong công tác điều hành, quản lý Nhà nước, cung ứng dịch vụ công tại địa phương để người dân hài lòng hơn với hiệu quả quản trị và hành chính công ở những lĩnh vực nội dung PAPI đo lường.

Kết quả khảo sát PAPI 2018 cấp tỉnh Cho thấy, người dân yêu cầu có cơ hội tham gia vào quá trình ra quyết định ở địa phương. Người dân cũng trông đợi các cấp chính quyền tăng cường công khai, minh bạch; tiếp tục chống tham nhũng trong khu vực công; tập trung quản lý môi trường; đồng thời triển khai mạnh mẽ quản trị điện tử để người dân có thể tương tác trực tuyến với chính quyền khi cần thông tin chính sách hoặc sử dụng dịch vụ công điện tử.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CỦA BÌNH DƯƠNG

1

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ; Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020; gắn với nâng cao nhận thức và quyết tâm trong hành động về các giải pháp nâng cao chỉ số PAPI trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 1824/UBND-NC ngày 03/5/2018.

2

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu về các nội dung của Chỉ số PAPI, gắn với trách nhiệm của các ngành, địa phương, trách nhiệm của người đứng đầu; nhất là trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trong quản lý, điều hành công việc chung của địa phương.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CỦA BÌNH DƯƠNG

3

Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống tham nhũng, chống mọi biểu hiện tiêu cực gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân; nâng cao tinh thần, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, nhất là những người thường xuyên tiếp xúc, trao đổi công việc với nhân dân.

4

Tăng cường đầu tư mới, sửa chữa nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở giáo dục tiểu học công lập tại một số địa bàn đông dân cư, đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của người dân.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CỦA BÌNH DƯƠNG

5

Tiếp tục triển khai, nâng cao hiệu quả về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện có hiệu quả, đồng bộ trong xây dựng chính quyền thân thiện, công sở thân thiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

6

TÓM LẠI: Để đáp ứng những nhu cầu chính đáng của người dân mà PAPI đã đo lường, chúng ta cần có các giải pháp vừa tổng thể vừa cụ thể nhằm thúc đẩy các cấp chính quyền cơ sở thực hiện quản trị công và cung ứng dịch vụ công theo nguyên tắc chính quyền phục vụ, lấy người dân là trung tâm, công bằng và dân chủ.